



- ◆ Hệ thống giải pháp tài chính hỗ trợ hàng nông sản khi gia nhập WTO
- ◆ Nâng cao hiệu quả tín dụng ngân hàng với DNNN
- ◆ Phát triển DN và các nội dung cơ bản của một kế hoạch phát triển DN

Giải pháp tài chính hỗ trợ hàng nông sản

NGÔ VĂN KHOA

Viện Khoa học Tài chính

Để nâng cao năng lực tiếp cận thị trường cho hàng nông sản Việt Nam mà không vi phạm cam kết WTO, Nhà nước cần có hệ thống giải pháp hỗ trợ tài chính như thế nào?

Những cam kết WTO liên quan tới hỗ trợ tài chính hàng nông sản

Hỗ trợ tài chính được hiểu là những khoản chi của Nhà nước (và tổ chức công), bao gồm cả những khoản "đáng lẽ phải thu" nhưng được miễn, nhằm đem lại lợi ích cho đối tượng được hưởng hỗ trợ. Với cách hiểu đó, hỗ trợ tài chính không chỉ được thực hiện qua chi ngân sách mà còn thông qua công cụ chính sách thuế. Trong thương mại quốc tế, hỗ trợ tài chính hàng nông sản được điều chỉnh qua Hiệp định về Trợ cấp; Hiệp định Nông nghiệp.

Từ năm 2007, Việt Nam chính thức là thành viên của WTO. Điều đó đồng nghĩa với việc ta phải tuân thủ toàn bộ các Hiệp định và quy định mang tính ràng buộc của WTO từ thời điểm gia nhập. Trong đó, những cam kết có liên quan tới hỗ trợ tài chính hàng nông sản mà Việt Nam phải thực hiện là:

Thứ nhất, Nhà nước không

can thiệp trực tiếp hay gián tiếp vào hoạt động của DNNN. Tuy nhiên, với tư cách là cố đồng, Nhà nước được can thiệp vào doanh nghiệp bình đẳng như mọi cố đồng khác.

Thứ hai, không khuyến khích về tài chính (miễn giảm thuế...) đối với các dự án đầu tư như đã thực hiện theo Luật Khuyến khích đầu tư.

Thứ ba, cam kết thuế nhập khẩu: Cắt giảm thuế trần từ mức bình quân 23,5% xuống còn 20,9%. Được phép sử dụng thuế quan hạn ngạch mặt hàng đường, trứng gia cầm, thuốc lá lá và muối. Trong 3 năm phải chuyển đổi thuế đối với rượu, bia nhập khẩu phù hợp với thuế tiêu thụ đặc biệt đối với rượu, bia sản xuất trong nước.

Thứ tư, cam kết về trợ cấp:
- Trợ cấp trong nước: WTO cho phép áp dụng các hình thức hỗ trợ nhằm mục đích khuyến nông, xóa đói giảm nghèo, xây dựng cơ sở hạ tầng v.v... với tổng hỗ trợ gộp không vượt quá 3961,59 tỷ đồng.

- Về trợ cấp xuất khẩu: Việt Nam không áp dụng trợ cấp

xuất khẩu và trợ cấp nội địa hoá từ thời điểm gia nhập; tuy nhiên, được hưởng một số quy định riêng của WTO dành cho các nước đang phát triển trong lĩnh vực này.

Hỗ trợ tài chính như thế nào để không vi phạm cam kết với WTO?

Để nâng cao năng lực tiếp cận thị trường cho hàng nông sản mà không vi phạm các cam kết với WTO, giải pháp hỗ trợ tài chính hàng nông sản Việt Nam những năm tới cần được hoàn chỉnh như sau.

Hỗ trợ qua công cụ thuế

Có thể khẳng định, những năm qua công cụ thuế đã đóng vai trò khá lớn trong hỗ trợ hàng nông sản Việt Nam. Hầu hết các chính sách thuế đều quan tâm tới giảm chi phí hàng nông sản. Chẳng hạn: Thuế TNDN không thu đối với hộ gia đình, cá nhân và HTX nông nghiệp; Nhà nước miễn giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp; mức thuế suất bình



quần hàng nông sản nhập khẩu cao hơn hàng công nghiệp 6,7%, thể hiện sự bảo hộ hàng nông sản cao hơn v.v...

Có thể thấy rằng, thuế suất hàng nông sản nhập khẩu bình quân tuy được cam kết giảm 2,6%, nhưng cũng không tác động nhiều tới năng lực tiếp cận hàng nông sản Việt Nam trên thị trường nội địa, bởi mức thuế suất hàng nông sản nhập khẩu vẫn cao hơn nhiều so với mức thuế suất (0 - 5%) mà Việt Nam đã áp dụng đối với các nước ASEAN và Trung Quốc. Tuy nhiên, để tiếp tục hỗ trợ tài chính qua công cụ thuế, cần xử lý một số vấn đề cụ thể như sau:

Thứ nhất, đối với một số hàng được phép sử dụng thuế hạn ngạch thì nâng mức thuế suất ngoài hạn ngạch lên mức độ "ngăn cấm".

Các mặt hàng gồm đường, trứng gia cầm, thuốc lá lá và muối trong vài năm tới còn được phép sử dụng thuế theo hạn ngạch. Theo đó, mức thuế trong hạn ngạch là mức thuế suất đã cam kết, còn với mức thuế ngoài hạn ngạch thì nên xử lý như thế nào? Trên thế giới, có nước chỉ sử dụng một mức thuế suất tính theo % phần trên hạn ngạch; có nước sử dụng nhiều mức thuế suất % lũy tiến phần trên hạn ngạch. Học tập kinh nghiệm của Đài Loan, nước ta nên quy định một mức thuế suất % phần trên hạn ngạch ở mức cao để làm ngừng xuất khẩu ngoài hạn ngạch vào thị trường Việt Nam.

Thứ hai, nên quy định thống nhất và theo tỷ lệ % đối với thuế tiêu thụ đặc biệt rượu, bia sản xuất trong nước và thuế nhập khẩu rượu, bia.

Theo các luật thuế hiện hành, thuế suất nhập khẩu rượu là 97,5%; bia là 120% và thuế VAT là 10%; còn rượu bia sản xuất trong nước có thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt 75%, điều này vi phạm nguyên tắc đối xử quốc gia của WTO. Theo cam kết, trong 3 năm Việt Nam sẽ phải áp dụng mức thuế thống nhất đối với các mặt hàng này. Để sửa đổi, về lý thuyết có hai hướng: quy định mức tuyệt đối hoặc quy định % theo giá trị hàng hoá. Tính ưu việt của phương pháp tính theo % là năng lực bảo hộ

cao hơn, do đó nên sử dụng phương pháp này để quy định thống nhất mức thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt rượu, bia trong nước phù hợp với thuế rượu, bia nhập khẩu.

Hỗ trợ từ ngân sách

Hỗ trợ hàng nông sản từ ngân sách được Nhà nước thực hiện nhiều năm nay, với tổng mức hỗ trợ giai đoạn 1996 - 2003 chiếm 1,57% GDP và khoảng 6,64% tổng chi ngân sách; giai đoạn 2000 - 2003 chiếm 7,1% tổng chi ngân sách.

Theo tiêu chí quy định của WTO, trợ cấp trong nước của Việt Nam bao gồm cả trợ cấp trong nước và trợ cấp xuất khẩu. Trợ cấp trong nước cũng bao gồm đầy đủ các khoản trợ cấp thuộc dạng "đen xanh, đen đỏ, đen vàng". Các khoản trợ cấp có ảnh

Hỗ trợ từ ngân sách còn nhiều hạn chế, bất cập, mà hạn chế lớn nhất, tập trung nhất là hiệu quả nguồn tài chính sử dụng chưa cao.

hướng khá lớn đến vấn đề nâng cao điều kiện sống, điều kiện sản xuất cho nông nghiệp và nông thôn. Tuy nhiên, thực tiễn cũng cho thấy hỗ trợ từ ngân sách còn nhiều hạn chế, bất cập, mà hạn chế lớn nhất, tập trung nhất là hiệu quả nguồn tài chính sử dụng chưa cao. Nguyên nhân chủ yếu là: Do mỗi bộ thực hiện một chương trình riêng, nên thiếu sự gắn kết giữa các chương trình trên cùng địa bàn với nhau; mục tiêu của từng chương trình là rõ ràng, nhưng để thống nhất mục tiêu cả vùng thì lại không đạt được...

Xuất phát từ yêu cầu cam kết với WTO và thực tế những năm qua, hỗ trợ qua chi ngân sách cần được hoàn chỉnh như sau:

● *Thứ nhất, Việt Nam cần có Luật (Pháp lệnh) về hỗ trợ tài chính đối với nông nghiệp và nông thôn.* Hỗ trợ từ ngân sách đối với nông nghiệp nông thôn là việc làm dài lâu của Nhà nước và chiếm tỷ trọng đáng kể trong ngân sách. Kinh

nghiệm nhiều nước cho thấy họ đều có luật quy định về vấn đề này. Hơn nữa điều này cũng thỏa mãn yêu cầu của WTO về minh bạch hoá các chính sách của Nhà nước.

● *Thứ hai, cần có sự nhìn nhận lại và điều chỉnh các chương trình hỗ trợ.* Đến nay, hầu hết các chương trình hỗ trợ đã có khoảng trên dưới 10 năm thực hiện và từng chương trình đã đạt được kết quả nhất định. Do vậy, rất cần thiết phải đánh giá kết quả và hiệu quả các chương trình theo từng vùng để có kế hoạch đầu tư tiếp phù hợp với mỗi vùng. Từ kết quả thực hiện các chương trình, chúng tôi có một số đề xuất cụ thể sau:

- Cần xem xét lại chương trình đầu tư "mỗi xã một trạm y tế", đặc biệt là ở các vùng có dân cư sống tập trung. Do giao thông nông thôn hiện nay đã tương đối phát triển, nên mỗi huyện chỉ cần khoảng 2 - 4 trung tâm y tế tùy điều kiện tự nhiên và xã hội. Điều quan trọng là các trung tâm y tế cần được đầu tư thoả đáng để có thể đáp ứng tốt nhu cầu chữa bệnh của nông dân trong vùng.

- Cần tạm thời chuyển dịch một phần nguồn lực tài chính từ chương trình cơ sở hạ tầng (đường giao thông, vệ sinh môi trường...) ở một số vùng đã cơ bản hoàn thành mục tiêu sang bổ sung cho chương trình thủy lợi.

- Các chương trình hỗ trợ nông nghiệp, nông thôn là các chương trình mang tính chất lâu dài, rất cần có sự gắn kết, lồng ghép vào nhau. Do đó, các chương trình cần được chuyển giao về một Bộ quản lý và tổ chức thực hiện. Chẳng hạn: các chương trình đối với nông nghiệp - nông thôn miền núi phải gắn kết với chương trình rừng, bởi các chương trình này có quan hệ hữu cơ với nhau, tác động lẫn nhau và đi đến một mục tiêu chung là ổn định, phát triển kinh tế miền núi.

● *Thứ ba, tăng mức chi ngân sách và tiếp tục đổi mới cơ chế khuyến khích chuyển giao khoa học công nghệ* nhằm phát huy lợi thế từng vùng, thúc đẩy vùng sản xuất hàng hoá tập trung.

Tăng chi được hiểu theo hai nghĩa: Thứ nhất là cơ cấu nguồn mà

ngân sách đã phân bổ; thứ hai là mức bổ sung thêm từ ngân sách.

Không thể phủ nhận rằng chi cho hoạt động khoa học công nghệ thuộc Bộ NN&PTNT những năm qua liên tục tăng nhanh. Tuy nhiên, phần kinh phí dành cho hoạt động khoa học ứng dụng còn hạn chế dẫn đến tác động của hoạt động nghiên cứu tới sản xuất nông nghiệp chưa thật rõ nét. Do vậy, tập trung tăng chi đối với đề tài nghiên cứu ứng dụng sản xuất là cần thiết. Trước mắt cần tập trung tăng chi vào các vấn đề trọng điểm theo từng vùng nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế vùng. Chẳng hạn: ở phía Nam cần tập trung thay đổi giống lúa đang gieo cấy, bởi hầu hết các giống lúa tại các tỉnh này đang là những giống nhiễm rầy nâu nặng. Tăng chi đối với hoạt động khoa học công nghệ gắn trực tiếp với sản xuất và phục vụ phát triển theo vùng hàng hoá tập trung; các hoạt động khoa học thường xuyên, trực tiếp giúp đỡ và hướng dẫn người nông dân sản xuất theo quy trình kỹ thuật "an toàn, sạch" về sản phẩm; tăng chi cho việc phát hiện và trực tiếp cùng nông dân dập tắt, không để lây lan các dịch bệnh...

Đi đôi với tăng chi cần đổi mới cơ chế quản lý tài chính đối với hoạt động khoa học theo hai nội dung: Thứ nhất là căn cứ vào kết quả ứng dụng khoa học công nghệ vào thực tiễn sản xuất để chi hỗ trợ và quyết toán đối với một công trình nghiên cứu. Chẳng hạn như: Đối với một chương trình nâng cao năng suất và chất lượng cây mía, kinh phí hỗ trợ phải được dựa trên kết quả giống mía được trồng thay thế cho cây mía hiện có. Thứ hai, kế hoạch tài chính giao cho chương trình hay đề tài nghiên cứu ứng dụng phải bảo đảm đồng bộ từ khâu phòng thí nghiệm đến chuyển giao công nghệ, hướng dẫn người nông dân đưa kết quả nghiên cứu vào sản xuất đại trà.

● *Thứ tư, Nhà nước cần có chính sách hỗ trợ đặc biệt hoặc tập trung đầu tư có trọng điểm vào một số ngành, một số doanh nghiệp.* Hiện tại, nhiều ngành hàng nông sản của nước ta có tiềm năng nhưng chậm phát triển, khả năng tiếp cận thị

trường thấp (như chăn nuôi, hạt có dầu). Ngay cả những mặt hàng tham gia thị trường thế giới với sản lượng lớn như gạo, cà phê, hồ tiêu... có mức tăng trưởng xuất khẩu hàng năm lên đến 15%, thì phần lớn (tới 80 - 90% mặt hàng) cũng phải "khoác" thương hiệu nước ngoài mới xuất khẩu được. Một trong các nguyên nhân chủ yếu dẫn tới tình trạng này là do công nghệ chế biến kém. Vì vậy, rút kinh nghiệm từ Chương trình mía đường (đầu tư dàn trải; không phù hợp với vùng nguyên liệu v.v...) và học tập kinh nghiệm một số nước, đối với nông sản quan trọng, Nhà nước cần có chính sách hỗ trợ đặc biệt hoặc tập trung đầu tư có trọng điểm vào 1 - 2 doanh nghiệp công nghiệp chế biến có công nghệ hiện đại để làm trụ cột, làm động lực cho phát triển cả ngành. Nguồn tài chính thực hiện được chuyển dịch từ nguồn hỗ trợ đầu tư của Quỹ hỗ trợ Phát triển (nay là Ngân hàng Phát triển) hỗ trợ cho các dự án theo Luật Khuyến khích Đầu tư trong nước mà Việt Nam sẽ phải loại bỏ theo cam kết với WTO.

● *Thứ năm, hỗ trợ phải gắn với định hướng thúc đẩy phát triển vùng sản xuất hàng hoá tập trung, do sản xuất nông nghiệp nước ta còn phân tán, manh mún.* Chẳng hạn: Đối với vùng đã hình thành cây chuyên canh (như vùng cà phê ở Tây Nguyên), Nhà nước nên tập trung vào chính sách hỗ trợ lãi suất

vay vốn đảm bảo nguồn vốn ổn định cho sản xuất. Đối với vùng Đồng bằng Sông Hồng, Sông Cửu Long... nên tập trung hỗ trợ bán với giá thấp giống một số cây con quan trọng của vùng như giống lúa; giống lợn có năng suất và chất lượng cao...

● *Thứ sáu, hỗ trợ tài chính xúc tiến thương mại cần tập trung vào trọng điểm.* Hiện tại, hỗ trợ tài chính của Nhà nước cho các chương trình xúc tiến thương mại mới chỉ tập trung vào giải quyết tình thế, chưa cơ bản. Trong 182 dự án xúc tiến thương mại của các doanh nghiệp được Nhà nước hỗ trợ kinh phí thì chủ yếu là các hoạt động tham gia triển lãm; hỗ trợ các doanh nghiệp đi khảo sát thị trường; hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực;... sơ bộ chỉ có 1 dự án xây dựng các trung tâm giới thiệu sản phẩm tại Tp. Hồ Chí Minh. Trong khi đó, khâu yếu của hàng Việt Nam trong marketing là thiếu sự hiện diện thường xuyên tại thị trường nước ngoài; không được tiếp cận trực tiếp với người tiêu dùng.

Nhằm khắc phục nhược điểm trên, hỗ trợ tài chính xúc tiến thương mại cần tập trung vào trọng điểm. Cụ thể là cần chuyển dịch hỗ trợ tài chính xuất khẩu sang hỗ trợ xây dựng và phát triển các trung tâm xúc tiến thương mại; đặc biệt là trung tâm ở nước ngoài. Nguồn tài chính thành lập trung tâm được chuyển dịch từ nguồn hỗ trợ xuất khẩu mà theo cam kết với WTO Việt Nam phải loại bỏ ngay. ❖

Tin tức

Bốn DN lớn liên kết chiếm lĩnh thị trường phân phối nội địa

Bốn nhà phân phối hùng mạnh nhất của Việt Nam đã hợp tác và cho ra mắt Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển hệ thống phân phối Việt Nam (VDA), có vốn điều lệ ban đầu 500 tỷ đồng. Bằng việc tập trung nguồn vốn lớn, các nhà đầu tư gồm Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn, Liên hiệp HTX thương mại Tp. HCM, Tổng Công ty Thương mại Hà Nội và Công ty TNHH Phú Thái muốn nhanh chóng khẳng định thương hiệu phân phối nội địa trước khi Việt Nam chính thức mở rộng cánh cửa bán lẻ cho các nhà đầu tư nước ngoài theo cam kết gia nhập WTO. Chiến lược phát triển của VDA được hoạch định theo 2 giai đoạn: Giai đoạn 1, từ tháng 3/2007 đến tháng 10/2008, VDA sẽ đầu tư khoảng 1.500 tỷ đồng để thiết lập hệ thống kho bãi hiện đại, tập trung các nguồn thu mua hàng hóa và xuất nhập khẩu. Giai đoạn 2, từ tháng 11/2008 đến năm 2010, VDA sẽ tăng vốn điều lệ lên mức từ 1.000 - 2.000 tỷ đồng và vốn đầu tư từ 3.000 - 6.000 tỷ đồng để xây dựng các đại siêu thị, trung tâm phân phối bán sỉ.